TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2024/HNGĐ - ST
Ngày 25-01-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Phan

2. Bà Mai Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 187/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐST - HNGĐ ngày 28/12/2023 và Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 03/TB - MLPTXX ngày 12/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Hữu T, sinh năm 1996 (có mặt)

ĐKHKTT: Tiểu khu Đòa, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn*: Chị Lục Thị T1, sinh năm 1996 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Tiểu khu Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ liên hệ: Thôn K, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 12/9/2023, bản tự khai ngày 11/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Hữu T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Lục Thị T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/02/2022 tại Ủy ban nhân dân thị

trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 02/2023 anh có nộp đơn đến Tòa án đề nghị ly hôn với chị T1. Tuy nhiên, vì mong muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ để cho con cái phát triển toàn diện nên anh đã rút đơn và Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 15/2023/QĐST - HNGĐ ngày 09/5/2023. Nhưng từ đó đến nay vợ chồng không thể cải thiện được về mặt tình cảm. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng và hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lục Thị T1.

- Về con chung: Anh và chị T1 có 1 con chung là Lê Hữu Tuấn A, sinh ngày 16/01/2022. Hiện nay con đang ở với chị T1. Do con đang còn nhỏ nên anh giao con cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ.

- Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Lê Hữu T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lục Thị T1. Về con chung: anh giao con cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 01/2024 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng. Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với chị Lục Thị T1:* Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã thực hiện tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho chị Lục Thị T1. Nhưng trong thời hạn quy định chị T1 không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

** Tại Biên bản xác minh ngày 31 tháng 10 năm 2023, ông Lục Văn L - bố đẻ của chị Lục Thị T1 trình bày:* Anh Lê Hữu T và chị Lục Thị T1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2021 và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/02/2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh T và chị T1 chung sống hạnh phúc tại tiểu khu Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống anh T và chị T1 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau. Anh T thường xuyên đánh đập, chửi bới chị T1 nên từ tháng 5/2023 chị T1 đã về nhà ngoại sinh sống. Mâu thuẫn giữa anh T và chị T1 đã trầm trọng, không thể hòa giải được nên anh T và chị T1 đã sống ly thân từ đó đến nay.

Về con chung: Anh T và chị T1 có 1 con chung là Lê Hữu Tuấn Anh, sinh ngày 16/01/2022. Hiện nay cháu đang ở với chị T1. Về tài sản và nợ chung: Anh T và chị T1 không có tài sản và nợ chung.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập và giao văn bản tố tụng, gia đình ông đã thực hiện nghiêm túc việc giao văn bản tố tụng của Tòa án cho chị T1, quan điểm của chị T1 cũng đồng ý ly hôn với anh T. Về con chung: Chị T1 xin được nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông cam đoan sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sẽ thông báo ngay lại cho chị T1 và giao ngay lại khi chị T1 về nhà.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự*:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Anh T và chị T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 10/02/2022, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho anh T được ly hôn chị T1.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Hữu Tuấn Anh, sinh ngày 16/01/2022 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng

01/2024 đến khi con thành niên.

+ Về tài sản chung: Anh T và chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Lục Thị T1 có hộ khẩu thường trú tại tiểu khu Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên anh Lê Hữu T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Chị Lục Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng chị T1 vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị T1 là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Hôn nhân giữa anh Lê Hữu T và chị Lục Thị T1 dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị T1 đã đem con về nhà ngoại ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 đến nay, không quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ quan điểm ly hôn. Về phía chị T1, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng chị T1 vẫn vắng mặt. Điều đó chứng tỏ chị T1 không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn chị T1 là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Anh T và chị T1 có 01 con chung là Lê Hữu Tuấn A, sinh ngày 16/01/2022. Hiện nay con đang ở với chị T1. Do con đang còn nhỏ nên anh T giao con cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Lê Hữu Tuấn A dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con

cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 01/2024 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Anh T và chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, anh Lê Hữu T được ly hôn chị Lục Thị T1.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hữu Tuấn A, sinh ngày 16/01/2022 cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 01/2024 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Anh Lê Hữu T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Hữu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2021/0007377 ngày 02/10/2023. Anh T còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND thị trấn C;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Phan **Mai Thị Thanh Tâm** **Trịnh Thị Hà**